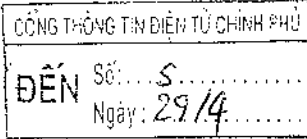


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13** /2014/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày **21** tháng 4 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2014
trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 834/TTr-STC ngày 08 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2014 trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng để làm cơ sở:

1. Xác định nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất) đối với diện tích vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao) đang sử dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2. Xác định nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao) không phải đất ở sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Đơn Dương có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Thuế và các phòng ban chuyên môn có liên quan triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2013 trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi Trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Đơn Dương; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /- *lưu*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến

BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2014
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2014/QĐ-UBND ngày **01** /4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	KHU VỰC, ĐƯỜNG PHỐ	Giá đất 2014 (1.000đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất (Ktt)
A	ĐẤT Ồ ĐÔ THỊ		
I	THỊ TRẤN THANH MỸ		
I.1	Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27		
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến hết đốc Bà Ký (cổng Q.lộ 27)	475	1,1
2	-Từ hết đốc Bà Ký (cổng Qlộ 27) đến Km 184 + 500	1.518	1,7
3	-Từ Km 184 + 500 đến giáp đường Nguyễn Du	1.654	1,7
4	-Từ đường Nguyễn Du đến hết đất trụ sở UBND thị trấn Thanh Mỹ	2.266	2,0
5	-Từ hết đất trụ sở UBND thị trấn Thanh Mỹ đến hết cổng 5	2.006	2,0
6	-Từ hết cổng 5 đến ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng)	1.633	2,0
7	-Từ ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng) đến đầu Km 181 + 500	1.330	1,8
8	-Từ đầu Km 181 + 500 đến giáp ranh giới hành chính xã Dạ Ròn	797	1,5
I.2	Đất có mặt tiếp giáp với đường ĐH 13 (đường Nguyễn Chí Thanh, 1 phần đường Phạm Ngọc Thạch)		
1	- Từ giáp QL27 đến giáp đường Lý Tự Trọng	440	1,4
2	- Từ giáp đường Lý Tự Trọng đến hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn	321	1,4

3	- Từ hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	302	1,3
4	- Từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến cầu ông Thiều	383	1,4
I.3	Đất có mặt tiếp giáp với đường ĐH 15		
1	- Đoạn từ giáp QL 27 đến cầu Quảng Lập	897	2,0
I.4	Đường nhánh trong Thị trấn Thanh Mỹ		
1	-Đường Lê Thị Pha (Từ giáp QL 27 đến hết thửa đất số 16 TBD 14 đất ông Xuân)	313	1,4
2	-Đường Lý Tự Trọng:		
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trường Dân tộc nội trú huyện	505	1,4
	+Từ hết đất Trường Dân tộc nội trú đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh (ĐH15)	308	1,4
3	-Đường Nguyễn Thị Minh Khai (từ giáp QL27 vào đến Kênh thủy lợi)	437	1,4
4	-Đường Trần Bình Trọng	396	1,4
5	-Đường Phan Chu Trinh (từ giáp QL27 vào đến 140m)	414	1,4
6	-Đường Phan Bội Châu: Từ giáp QL27 đến giáp đường Lê thị Hồng Gấm	437	1,4
7	-Đường Võ Thị Sáu (Từ giáp QL27 đến giáp đường Lê thị Hồng Gấm).	695	1,4
8	-Đường phía tây trụ sở UBND Thị trấn Thanh Mỹ	540	1,4
9	-Đường Nguyễn Văn Trỗi:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	810	2,0
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến giáp kênh thủy lợi	494	1,5
10	-Đường Lê Thị Hồng Gấm (Từ giáp đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Võ Thị Sáu)	418	1,4
11	-Đường Phạm Ngọc Thạch:		
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trung tâm y tế huyện	1.006	2,0
	+Từ hết đất Trung tâm y tế huyện đến giáp Kênh thủy lợi	764	1,4
	+Từ kênh thủy lợi đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	620	1,4
12	-Đường Chu Văn An (Từ giáp đường Âu Cơ đến chợ Thanh Mỹ)	685	1,8
13	-Đường Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Đình Chiểu	499	1,4

14	- Đường Nguyễn Viết Xuân	429	1,4
15	-Đường Trần Hưng Đạo		
	- Từ giáp ngã ba đường Phạm Ngọc Thạch đến giáp đường Âu Cơ	722	1,8
	- Từ giáp đường Âu Cơ đến giáp đường Lạc Long Quân	518	1,8
16	-Đường Âu Cơ:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Chu Văn An	793	1,8
	+Từ giáp đường Chu Văn An đến giáp đường Trần Hưng Đạo	676	1,8
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Văn Linh	336	1,4
17	-Đường Lê Văn Tám:		
	+ Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	964	2,0
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến hết đường Lê Văn Tám	462	1,4
18	-Đường Lương Thế Vinh	617	1,4
19	-Đường Lạc Long Quân:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Trần Hưng Đạo	715	1,4
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Âu Cơ	336	1,4
20	-Đường Huỳnh Thúc Kháng (Từ giáp QL27 đến hết đoạn đã trải nhựa)	623	1,4
21	-Đường Nguyễn Văn Linh:		
	+ Từ giáp QL27 đến giáp đường Thế Lữ	782	1,5
	+ Từ giáp đường Thế Lữ đến giáp Đường Âu Cơ	714	1,4
	+Từ giáp đường Âu Cơ đến kênh thủy lợi	497	1,4
	+Từ kênh thủy lợi đến giáp đường Phan Đình Giót	327	1,4
22	-Đường Thế Lữ	422	1,4
23	-Đường Trần Phú		
	+ Từ giáp QL27 đến cổng Công an huyện	790	1,8
	+ Từ giáp cổng Công an huyện đến giáp suối	379	1,3
24	-Đường Bà Huyện Thanh Quan	770	1,8
25	-Đường Hoàng Diệu	770	1,8

26	-Đường Quang Trung		
	+Từ giáp đường Nguyễn Thái Bình đến hết đoạn đường nhựa	483	1,8
	+Từ hết đoạn đường nhựa đến giáp đất trường bắn	278	1,4
27	-Đường Nguyễn Thái Bình	675	1,8
28	-Đường Xuân Diệu (Từ giáp QL27 đến giáp đất nhà Ông Nguyễn Liêm)	755	1,8
29	-Đường Nguyễn Du (Từ giáp QL 27 đến giáp ngã tư Nhà thờ Tin lành)	726	1,8
30	-Đường Nguyễn Văn Cừ (từ giáp QL 27 đến giáp đường Nguyễn Thái Bình)	650	1,4
31	-Đường Phan Đình Phùng:		
	+ Từ giáp QL27 đến giáp đất Nhà máy urom tơ cũ	514	1,4
	+ Đoạn còn lại của Đường Phan Đình Phùng	336	1,4
32	-Đường từ tiếp giáp QL 27 đến hết khu hành chính Xí nghiệp Vạn Đức	496	1,4
33	- Đường Đinh Tiên Hoàng:		
	+Từ giáp QL27 đến giáp ngã ba đường đi trường bắn	594	1,4
	+Từ giáp ngã ba đường đi trường bắn đến hết đất Công ty Địa Ốc	348	1,4
34	-Khu vực chợ Thanh Mỹ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	582	1,4
35	-Các đường qui hoạch phía Tây Nam chợ Thanh Mỹ	436	1,4
36	-Các đường qui hoạch mặt đường rộng 5m trở lên (Theo các bản đồ QH chi tiết)	364	1,4
37	-Các đường QH mặt đường rộng từ 3m đến 5m (Theo các bản đồ QH chi tiết)	291	1,4
38	- Đường Phan Đình Giót	302	1,4
1.5	Các đoạn đường hẻm		
1	- Hẻm 24 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	363	1,4
2	- Hẻm 86 (Từ giáp QL 27 đến giáp suối)	290	1,4
3	- Hẻm 194 (Từ giáp QL 27 đến giáp đất nhà dòng Phan xính)	532	1,4
4	- Hẻm 205 (Khu QH thương nghiệp cũ)	598	1,4
5	- Hẻm 371 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	388	1,4
6	- Hẻm 447 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	399	1,4
7	- Hẻm 387 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	385	1,4

8	- Từ ngã ba số nhà 10 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trường Tiểu Học Nghĩa Lập 1)	302	1,4
9	- Từ ngã ba số nhà 16 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trung Tâm dạy nghề)	266	1,4
10	- Từ giáp ngã ba đường Xuân Diệu (nhà ông Phạm Tấn Đức) đến giáp ngã ba đường Nguyễn Du	302	1,4
11	- Hẻm 98 (Từ giáp QLô 27 đến giáp đất nhà ông Hoàng)	302	1,4
I.6	Đất tại các khu vực không thuộc điểm I.1, I.2, I.3 Mục I Phần A	242	1,3
II	THỊ TRẤN D' RAN		
II.1	Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27		
1	- Từ giáp ranh giới hành chính xã L. Xuân - giáp ngã ba đường vào thôn Lạc Quảng	770	1,5
2	- Từ ngã ba đường vào thôn Lạc Quảng đến giáp ngã ba đường rẽ vào xóm Láng	875	1,5
3	- Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Láng đến ngã 3 bùng binh thị trấn Dran (hết thửa 960 tờ bản đồ 50)	1.280	1,5
4	- Từ ngã 3 bùng binh Thị trấn Dran (hết thửa 960 tờ bản đồ 50) đến đầu cầu Dran	1.600	2,0
5	- Từ cầu Dran đến đầu ngã 3 đường huyện lộ 412	1.540	2,0
6	- Từ đầu ngã 3 đường huyện lộ 412 đến hết đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận - Đa Mỹ	762	1,4
7	- Từ hết đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim đến đầu cống bê	484	1,4
8	- Từ đầu cống bê đến hết đất Trạm kiểm soát Eo Gió	386	1,4
9	- Từ hết đất trạm kiểm soát Eo Gió đến giáp ranh giới hành chính tỉnh Ninh Thuận	284	1,4
II.2	Đất có một mặt tiền giáp với QL20		
1	- Từ giáp ngã 3 bùng binh QL 27 đi QL 20 đến giáp ngã ba nhà Ông Thanh	506	1,4
2	- Từ ngã ba nhà ông Thanh đến giáp ranh giới hành chính Xã Trạm Hành - Đà Lạt	330	1,4
II.3	Đường nhánh trong Thị trấn D'ran		
1	- Từ giáp ngã ba QLô 20 đến giáp đường Nguyễn Trãi (Khu phố III)	460	1,5
2	- Đường Ngô Quyền (từ giáp QLô 27 - giáp đất Phòng khám đa khoa Dran)	1.476	1,6
3	- Đường Bà Triệu		

	+ Từ giáp QL 27 đến cổng Quảng Lạc	1270	1,5
	+ Từ cổng Quảng Lạc đến giáp hành lang bảo vệ đập Đa Nhim	500	1,4
4	- Đường Hai Bà Trưng (Từ giáp QLô 27 đến giáp ngã tư ông Hậu)	1.122	1,5
5	- Đường Nguyễn Trãi		
	+ Từ giáp QL 27 đến ngã tư ông Hậu	1.404	1,6
	+ Từ ngã tư ông Hậu đến đầu cầu khóm 3	800	1,5
6	- Đường Chu Văn An (Từ cầu khóm 3 đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim)	456	1,4
7	- Đường Lê Văn Sĩ	582	1,4
8	- Khu chợ và Khu xung quanh chợ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	1.540	2,0
9	-Đường Trần Quốc Toản		
	+ Từ ngã 4 ông hậu đến giáp đường Ngô Quyền	800	1,5
	+ Từ đường Ngô Quyền đến giáp đường Bà Triệu	957	1,5
10	- Đường Lê Văn Tám	800	1,5
11	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Châu (Lạc Quảng)	478	1,4
12	- Từ giáp QL 27 đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim (thôn Lâm Tuyền)	520	1,4
13	- Từ giáp QL 27 (đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim-HT-DM) đến hết đất công ty Truyền tải điện 4	500	1,4
14	- Từ giáp ngã ba đường 412 đến hết đất nhà ông Nguyễn Thuận (Thôn Hòa Bình)	397	1,4
15	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà ông Nhân (Đường Nguyễn Trung Trực)	330	1,4
16	- Từ ngã ba đất nhà ông Nhân đến giáp đường Hoà Xá	287	1,4
17	- Đường Phạm Thế Hiển (Từ giáp ngã ba đường Nguyễn Trãi đến giáp ngã ba đường Nguyễn Trãi cầu Khóm III)	460	1,5
18	- Đường Nguyễn Văn Trời (Từ giáp QLô 27 đến giáp đường Trần Quốc Toản)	600	1,5
19	- Nguyễn Thái Bình (Từ giáp QLô 27 đến giáp đường Trần Quốc Toản)	600	1,5
20	- Từ giáp QLô 27 đến giáp đường 412 (Khu phố Đường mới)	385	1,5
21	- Từ giáp QLô 27 Đến hết đất ông Ngọc (Khu phố I)	600	1,5

22	- Từ giáp QLô 27 đến giáp đất Quý Tín dụng Xuân Trường (kho Hồng Suong cũ)	800	1,5
23	- Từ giáp QLô 27 (Nhà ông Lê Thuộc) đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim (thôn Lâm Tuyền)	288	1,5
24	-Từ giáp đường Ngô Quyền đến giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	600	1,5
25	-Từ giáp đường Bà Triệu đến giáp trạm Y Tế Dran	350	1,5
26	- Từ giáp ngã ba QLô 27 đất ông Lạc (Thửa 227 TBD 14) đến giáp cống Tân sơn (hết thửa 309 TBD 14)	500	1,5
27	- Từ giáp ngã ba QLô 27 Thửa 227 TBD 14 đến giáp ngã ba (hết thửa 177 TBD 23) TDP Phú thuận	300	1,5
28	- Từ giáp ngã ba đường 412 (thửa 48 tờ BD 32) đến hết thửa 207 tờ BD 32 Thôn KănKill	245	1,5
29	- Từ giáp ngã ba QLô 27 Thửa 196 TBD23 đến giáp ngã ba (hết thửa 35 TBD 23) đường vào chùa Giác hoa TDP Phú thuận	250	1,5
30	Từ giáp ngã ba đất nhà ông Cải (thửa 331 TBD 28) đến hết thửa 506 tờ BD 28. tổ dân phố Lạc Quảng	400	1,5
II.4	Đất có một mặt tiếp giáp đường 412		
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến đầu cầu Lam Phương	641	1,4
2	-Từ cầu Lam Phương đến giáp ranh hành chính xã Lạc Xuân	409	1,4
II.5	Đất ở tại Thôn HaMaSin, KănKin	163	1,3
II.6	Đất tại các khu vực không thuộc điểm II.1, II.2, II.3, II.4, II.5 Mục II, II.6 Thị trấn D'Dan trên đây	215	1,3
B	ĐẤT Ở NÔNG THÔN		
I	KHU VỰC I		
I.1	XÃ ĐẠ RÒN		
I.1.1	Đất có một mặt tiếp giáp với QL27		
1	-Từ giáp ranh giới hành chính Thạnh Mỹ đến đầu cống thủy lợi ngang qua QL27	462	1,4
2	-Từ cống thủy lợi ngang qua QL 27 đến giáp cống giữa 2 thôn Suối thông B và Suối thông A	627	1,6
3	-Từ cống giữa 2 thôn STB và STA đến đầu ngã 3 vào Trường tiểu học Đạ Ròn	627	1,6
4	-Từ ngã 3 vào Trường tiểu học Đạ Ròn đến đầu ngã 3 đường vào Thôn I	641	1,6

5	-Từ ngã 3 đường vào Thôn I đến cầu Bắc Hội (Ranh giới hành chính H.Đức Trọng)	597	1,6
I.1.2	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413B		
1	- Từ giáp ngã ba giáp đất Công ty Thụy Hồng Quốc tế thuê đến giáp ngã ba ĐH12	437	1,5
I.1.3	Đất có mặt tiếp giáp với đường ĐH 12		
1	-Từ giáp ngã 3 QL27 (ngã 3 NT) đến giáp ngã 3 đường ĐH 12 và đường 413B	286	1,5
2	- Từ giáp giáp ngã ba ĐH 12 và đường 413B đến cầu nông trường	437	1,5
I.1.4	Đường Liên Thôn, Liên xã		
1	-Từ giáp ngã 3 QL27 (Nhà ông Chín Ổng) đến giáp ngã 4 đất nhà ông Đỗ Mười	264	1,5
2	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Suối Thông B) đến giáp ngã 3 hết đất nhà ông Hồ Trần	310	1,5
3	- Từ giáp ngã 3 hết đất nhà ông Hồ Trần đến giáp ngã ba hết đất nhà Ông Nhựt	282	1,5
4	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (đất nhà ông Nguyễn Công Đài Nguyên)) đến giáp ngã 3 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Bốn)	264	1,5
5	- Các đường nhánh nối với đoạn đường (Từ giáp ngã 3 Suối Thông B QL 27 đến giáp ngã 4 hết đất đất dòng nữ tu Đa Minh) vào sâu 100m	243	1,5
6	-Từ giáp ngã 3 QL27 (Cổng thôn văn hoá STA 2) đến giáp ngã 3 đất nhà ông Ha Ai (T 146 tờ 24)	242	1,5
7	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất Phụng Kỳ) đến giáp ngã 4 (Đất nhà KaNé hết thửa 61 tờ 24)	231	1,4
8	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Quán Café Uyên thửa 157 tờ 27) đến giáp ngã 4 (Đất ông HaJong hết thửa 169 tờ 27)	242	1,5
9	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Cổng thôn văn hoá STA 1) đến giáp ngã 4 (Đất nhà ông Ha Chai hết thửa 125 tờ 27)	242	1,5
10	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất ông Vương Đại Tầu) đến giáp đất Trường Tiểu Học Đạ Ròn	242	1,5
11	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất ông Quốc) đến giáp ngã 3 đường giữa hai thôn (Thôn Ròn và thôn STA1)	231	1,4
12	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến giáp công gác hồ Đa Ròn	236	1,5

13	- Các đường nhánh nối với đoạn đường (Từ đường giữa hai thôn Ròn và thôn STA1) đến đoạn đường (Từ ngã 3 QL27 đến nhà ông HaAi)	220	1,5
14	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất ông Cương) đến giáp ngã 4 (hết đất Trường Trung học cơ sở ĐạRòn)	242	1,5
15	- Từ giáp ngã 3 Quốc lộ 27 (Nhà đất ông Biểu) đến hết đất khu tái định cư sân golf	264	1,5
16	- Từ hết đất khu tái định cư sân golf đến giáp ngã 3 (hết đất khu tái định cư thôn Ròn)	253	1,5
17	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Cổng thôn văn hoá thôn 1) đến hết đất nhà bà Loan Xoan	264	1,5
18	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến giáp ngã 4 (hết đất bà Vương Thị Ngo, đường dự án cạnh tranh Nông nghiệp	300	1,5
19	- Từ giáp ngã quốc lộ 27 (Cầu Bắc hội) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Tiến)	300	1,5
20	- Từ giáp ngã 3 (nhà ông Tiến Tuất) đến giáp đất nhà bà Chính	276	1,5
21	- Từ giáp ngã 3 (nhà ông Chánh) đến hết đất nhà bà Yến	276	1,5
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	196	1,3
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	145	1,3
I.2	XÃ LẠC LÂM		
I.2.1	Đất có mặt tiếp giáp với Quốc lộ 27		
1	-Từ giáp ranh giới hành chính TT Thạnh Mỹ đến giáp đất Công ty DVNN Lâm Đồng cũ	703	1,6
2	-Từ đất công ty DVNN Lâm Đồng cũ đến đầu cầu Lạc Sơn	1.012	1,6
3	-Từ cầu Lạc sơn đến giáp đầu cống công trình nước sạch (cống máng cũ)	1.400	1,7
4	-Từ giáp đầu cống công trình nước sạch (cống máng cũ) đến giáp ngã ba cây xăng Hùng Hoa	1.750	2,0
5	-Từ ngã ba cây xăng Hùng Hoa đến giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân	1.227	2,0
I.2.2	Các đường nối với Quốc lộ 27		
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Km 187) đến cầu Ka Đô	806	1,4

2	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn	483	1,4
3	- Từ giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn đến hết đất nhà bà Tô Phụng Thắm	284	1,4
4	- Từ giáp QL 27 tới ngã ba hội trường thôn M'Răng	476	1,4
5	- Từ giáp QL 27 đến hết đất nhà bà Võ Thị Tâm (Thôn Lạc Lâm Làng)	400	1,4
6	- Từ giáp QL 27 đến ngã ba nhà Ông Nguyễn Luyến (thôn Lạc Lâm Làng)	500	1,4
7	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến ngã ba nhà ông Trọng (thôn LLLàng)	368	1,4
8	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến giáp ngã tư nhà ông Hồ Xuân Khắc	400	1,4
9	- Từ giáp QL 27 đến giáp đất bà Chánh (Thôn Yên Khê Hạ)	537	1,4
10	- Từ đất nhà bà Chánh đến giáp ngã tư cống vương	415	1,4
11	- Từ giáp QL27 (ngã ba nhà Ông Bính) - đầu Cống Ông Xừ (thôn Quỳnh Châu Đông)	575	1,4
12	- Từ cống Ông Xừ đến hết đất ông Trần Hạnh (thôn Lạc Thạnh)	456	1,4
13	- Các đường nhánh phía bắc nối với QL 27 đến giáp đường dân cư số 10 (thuộc khu vực từ UBND xã đến giáp Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm)	679	1,4
14	- Đường dân cư số 10 từ UBND xã đến Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm	502	1,4
15	- Các đường nhánh dãy phía bắc tiếp giáp với đường dân cư số 10	414	1,4
16	- Các đường nhánh Phía nam còn lại nối với QL27 vào đến 200m có bề rộng từ 3m trở lên (thuộc khu vực từ cống máng đến giáp RG hành chính Xã Lạc Xuân)	546	1,4
17	- Từ ngã ba nhà ông Hồ Xuân Khắc đến giáp ngã ba nhà bà Bính Mỹ (thửa số 15 TBD số 4)	360	1,4
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	276	1,4
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	166	1,3
I.3	XÃ LẠC XUÂN		
I.3.1	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với QL27		

1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến hết nghĩa địa Lạc Viên	1.230	1,7
2	-Từ giáp nghĩa địa Lạc Viên đến hết Trường tiểu học Lạc Xuân	1.340	1,7
3	-Từ giáp đất Trường tiểu học Lạc Xuân đến đầu cống lờ Labuoye	575	1,5
4	-Từ cống lờ Labuoye đến giáp công chợ mới Lạc Xuân	797	1,5
5	-Từ công chợ mới Lạc Xuân đến giáp ngã ba nhà ông Trương Dừa	1.150	1,6
6	-Từ ngã ba nhà ông Trương Dừa đến giáp ranh giới hành chính thị trấn Dran	748	1,5
I.3.2	Các đường nối với Quốc lộ 27		
1	- Từ giáp ngã ba (thửa 230 TBD 24 đất nhà ông Trương Ứng) đến giáp ngã ba (giáp thửa 47 TBD25): Thôn Đồng Thạnh	429	1,4
2	- Từ giáp ngã ba (thửa 43 TBD 24 đất nhà ông Hùng Khiêm) đến giáp ngã ba (giáp thửa 17 TBD 25): Thôn Lạc Viên	429	1,4
3	- Từ giáp ngã ba (thửa 72 TBD 24 đất nhà ông Lân) đến giáp thửa 132 TBD 24: Thôn Lạc Viên	448	1,4
4	- Từ giáp ngã ba (thửa 88 TBD 24 đất nhà Thuý Liễu) đến hết thửa 3 TBD 13: Thôn Lạc Viên	448	1,4
5	- Từ giáp ngã ba (thửa 37 TBD 13 đất nhà ông Khoái) đến giáp ngã ba hết thửa 40 TBD 13: Thôn Lạc Viên	448	1,4
6	- Từ giáp ngã ba (thửa 244 TBD 14) đến giáp thửa 250 TBD 23: Thôn Lạc Viên	448	1,4
7	- Từ giáp ngã ba (thửa 112 TBD 14 đất nhà bà Hiếu) đến hết thửa 77 TBD 14: Thôn Lạc Viên	448	1,4
8	- Từ giáp ngã ba (thửa 69 TBD 14) đến hết thửa 35 TBD 14: Thôn Lạc Viên	448	1,4
9	- Từ giáp ngã ba (thửa 69 TBD 14) đến giáp thửa 32 TBD 14: Thôn Lạc Viên	448	1,4
10	- Từ giáp ngã ba (thửa 892 TBD 14) đến hết thửa 4 TBD 14: Thôn Lạc Viên	448	1,4
11	- Từ giáp ngã ba (thửa 918 TBD 14 đất nhà bà Hà) đến giáp sông Đa nhim (hết thửa 539 TBD 23): Thôn Lạc Viên	448	1,4
12	- Từ giáp ngã ba (thửa 172 TBD 14 đất nhà ông Dương) đến giáp sông Đa nhim (hết thửa 549 TBD 23): thôn Lạc Viên	448	1,4

13	- Các đường nhánh còn lại nối với QL 27 vào đến 200m thuộc các Thôn Đồng Thạnh, Lạc Viên A, Lạc Viên B	429	1,4
14	- Từ giáp ngã ba (thửa 517 TĐĐ 14 đất nhà ông Hoàn) đến giáp ruộng nước (thửa 238 TĐĐ 15): Thôn La bouye A	379	1,4
15	- Từ giáp ngã ba (thửa 905 TĐĐ 12 đất nhà ông Thời Trang) đến hết thửa 79 TĐĐ 12: Thôn Lạc Bình	379	1,4
16	- Từ giáp ngã ba (thửa 836 TĐĐ 12 đất ông Nờ) đến hết thửa 624 TĐĐ 12: thôn Lạc Bình	363	1,4
17	- Từ giáp ngã ba (thửa 45 TĐĐ 12 đất nhà ông Trương Lâu) đến hết thửa 10 TĐĐ 12: thôn La bouye B	379	1,4
18	- Từ giáp ngã ba (thửa 820 TĐĐ 12 đất bà Nhung) đến giáp suối Lạc Bình (thửa 285 TĐĐ 11)	363	1,4
19	- Từ giáp ngã ba (thửa 677 TĐĐ 6) đến giáp suối (hết thửa 690 TĐĐ 6): Khu chợ cũ Lạc Xuân.	363	1,4
20	-Từ giáp ngã ba (Nhà đất Ban QL rừng phòng hộ Dran) đến giáp cầu Châu Sơn	655	1,4
21	-Từ cầu Châu Sơn đến giáp đường 412 (Thôn Châu Sơn)	379	1,4
22	- Từ giáp ngã ba (thửa 711 TĐĐ 6 đất nhà ông Giao) đến giáp suối (hết thửa 87 TĐĐ 6): Thôn Lạc Xuân 2.	379	1,4
23	- Từ giáp ngã ba (thửa 729 TĐĐ 6 cây xăng Song Anh) đến hết thửa 511 TĐĐ 6: Thôn Lạc Xuân 2.	363	1,4
24	- Từ giáp ngã ba (thửa 974 TĐĐ 7 đất trường Vành khuyên) đến hết thửa 409 TĐĐ 7: Thôn Lạc Xuân 2.	363	1,4
25	- Từ giáp ngã ba (thửa 907 TĐĐ 7 đất nhà ông Trương Thông) đến giáp ngã ba (hết thửa 26 TĐĐ 6): Thôn Lạc Xuân 2.	379	1,4
26	- Từ giáp ngã ba (thửa 915 TĐĐ 7 đất nhà ông Trương Dưa) đến giáp ngã ba (hết thửa 132 TĐĐ 7): Thôn Lạc Xuân 2.	363	1,4
27	- Từ giáp ngã ba (thửa 407 TĐĐ 4 đất ông Phước) đến giáp suối (hết thửa 172 TĐĐ 4): Thôn Lạc Xuân 1.	363	1,4
28	- Từ giáp ngã ba (thửa 414 TĐĐ 4) đến hết thửa 105 TĐĐ 4: Thôn Lạc Xuân 1.	363	1,4

29	- Từ giáp ngã ba (thửa 189 TĐĐ 3) đến hết thửa 10 TĐĐ 3 (đường ranh giới hành chính giữa Xã Lạc Xuân và TT Dran): Thôn Lạc Xuân 1.	363	1,4
30	- Các đường nhánh còn lại nối QL 27 vào 200m thuộc các thôn Labouye A, B, Lạc Bình, Lạc Xuân 2 và Lạc Xuân 1.	345	1,4
I.3.3	Đất có mặt tiếp giáp với đường 412		
1	-Từ giáp ranh giới hành chính Thị trấn Dran đến cầu Diom B	410	1,4
2	-Từ cầu Diom B đến giáp ranh giới hành chính xã Ka Đô	453	1,4
	Các đường nối với đường 412		
1	- Từ giáp ngã ba (thửa 39 TĐĐ 10 đất ông Hải) đến giáp ngã ba (thửa 91 TĐĐ 10): Thôn Châu Sơn.	220	1,4
2	- Từ giáp ngã ba (thửa 314 TĐĐ 10) đến giáp ngã ba (hết thửa 276 TĐĐ 16): Thôn KTM Châu Sơn.	220	1,4
3	- Từ giáp ngã ba (thửa 193 TĐĐ 16 đất bà Liêu) đến giáp thửa 115 TĐĐ 21: Thôn Diom B.	220	1,4
4	- Từ giáp ngã ba (thửa 328 TĐĐ 21 đất ông Dụ) đến giáp hết thửa 365 TĐĐ 21	220	1,4
5	- Từ giáp ngã ba (thửa 289 TĐĐ 21 đất ông Ân) đến giáp ngã ba (hết thửa 123 TĐĐ 22): Thôn Giãn Dân	220	1,4
6	- Từ giáp ngã ba (thửa 50 TĐĐ 27 đất ông Quảng) đến giáp ngã ba (hết thửa 121 TĐĐ 22): Thôn Giãn Dân	230	1,4
7	- Từ giáp ngã tư (thửa 122 TĐĐ 27 đất ông Sơn) đến giáp ngã ba (hết thửa 230 TĐĐ 22): Thôn Diom A	220	1,4
8	- Từ giáp ngã tư (thửa 121 TĐĐ 27 đất trường Tiểu học) đến hết thửa 85 TĐĐ 28): Thôn BKăn	220	1,4
9	- Từ giáp ngã ba (đất nhà ông Dương Hùng Bảo) đến giáp hồ Tân Hiền: Thôn Tân Hiền	210	1,4
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng >3m.		
	-Phía bắc sông Đa Nhím	244	1,4
	-Phía nam sông Đa Nhím	167	1,3
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.		

	-Phía bắc sông Đa Nhim	167	1,3
	-Phía nam sông Đa Nhim	132	1,2
I.4	XÃ KA ĐÔ		
I.4.1	Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 413		
1	-Từ cầu Ka Đô đến giáp ngã ba đường cụm CN Ka Đô đi cầu Quảng Lập	703	1,4
2	-Từ giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Quảng Lập đến ngã 3 nhà Hùng Chải (hết thửa đất số 15 TBD 13)	1.012	1,8
3	-Từ giáp ngã ba nhà ông Hùng chải đến đầu ranh thửa đất 264 TBD số 14 (đất nhà ông Hồng Đạt)	1.111	2,0
4	- Từ ranh thửa đất 264 TBD 14 đến đầu ngã 3 Trường Trung học Ka Đô (hết thửa đất số 229TBD số 13)	1.530	2,0
5	-Từ ngã 3 Trường Trung học Ka Đô đến giáp ngã tư Quang Yên	1.210	2,0
6	- Từ ngã tư quang yên đến giáp ranh giới hành chính xã Quảng Lập	966	1,8
I.4.2	Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 412		
1	-Từ giáp ranh giới xã Lạc Xuân đến ngã tư dốc lò than	457	1,4
2	-Từ ngã tư dốc lò than đến đầu ngã tư Trường Hiệp Đức	996	2,0
3	-Từ ngã tư Trường Hiệp Đức đến giáp ngã 3 Đường 413 UBND xã (hết thửa đất 259 TBD 14)	1.265	2,0
I.4.3	Đất có mặt tiếp giáp đường DH 11		
1	-Từ huyện lộ 412 (ngã 4 Trường Hiệp Đức) đến giáp ngã 4 Ông Thành	500	1,4
2	-Từ ngã 4 Ông Thành đến đầu ngã 3 Ông Gọn	418	1,4
3	-Từ ngã 3 Ông Gọn đến giáp ngã ba ranh giới hành chính 3 xã (Ka Đô, PRó, Quảng Lập)	267	1,4
I.4.4	Các đường nối với huyện lộ 413		
1	-Phía đông bắc chợ	1.456	2,0
2	-Phía tây nam chợ	1.456	2,0
3	-Từ nhà ông Dương Thuận đến ngã ba nhà bà Giáo Đoán (đường cuối chợ)	1.104	2,0
4	- Từ ngã ba giáp huyện lộ 413 đến giáp ranh giới xã Quảng Lập (đường cụm CN)	650	1,4
5	- Từ ngã ba nhà ông Nghiệp) đến giáp đất nhà ông Hiệp	200	1,4

6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Sinh) đến giáp sinh Thổ Mộ (hết thửa đất số 319 TBD số 12)	265	1,4
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chính) đến giáp sinh Thổ Mộ (hết thửa đất số 86 TBD số 12)	260	1,4
8	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông phê) đến giáp nhà ông Khiêm (hết thửa đất số 64TBD số12)	237	1,4
9	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chiến) đến giáp ngã ba đất ông Độ (hết thửa đất số 217 TBD số 8)	316	1,4
10	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Hùng Chài) đến nhà ông Dẫn Tắc Chấn (hết thửa đất số 255 TBD số 8)	263	1,4
11	- Từ huyện lộ 413(ngã ba nhà ông Độ) đến giáp đất nhà ông Tuyên (hết thửa đất số 391 TBD số 8)	275	1,4
12	- Từ huyện lộ 413 (trường Mầm Non) đến ngã ba nhà ông Minh	368	1,4
13	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Việt Hùng) đến nhà Ông Bảy Hoà	560	1,4
14	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Tính Cộng) đến giáp ngã ba nhà ông Diên	736	1,4
15	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Lê Phú) đến giáp ngã ba nhà ông Đặng Dư	736	1,4
16	-Từ huyện lộ 413 (nhà Huỳnh Đào) đến giáp ngã ba nhà Ông Hân	736	1,4
17	- Từ huyện lộ 413 (Thánh Thất Cao Đài) đến ngã ba nhà ông Minh Rượu	220	1,4
18	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba chùa) đến giáp ngã tư ông Thành	558	1,4
19	- Từ giáp huyện lộ 413 (Công văn hoá Nghĩa Hiệp 2) đến hết thửa 182 tờ số 12	495	1,4
20	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Tư Khi (hết thửa đất số 154 TBD 19)	380	1,4
21	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Diệu	380	1,4
22	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Thành 3 Hiệu (hết thửa đất số 273 TBD số 19)	380	1,4
23	- Từ huyện lộ 413 đến giáp Bến Lội Sáu Khanh (hết thửa đất số 426 TBD số 19)	380	1,4
24	- Từ huyện lộ 413 đến giáp đất đình Thanh Minh (hết thửa đất số 65 TBD 20)	360	1,4

25	- Từ huyện lộ 413 đến ngã tư nhà ông Đình (hết thửa đất số 02 TĐĐ số 20)	394	1,4
26	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba trường cấp 2) đến ngã tư nhà Sáu Chu (hết thửa đất số 79 TĐĐ số 20)	394	1,4
I.4.5	Các đường nối với huyện lộ 412		
1	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà ông Lịch) đến giáp ngã ba Đài Truyền hình Cũ (hết thửa đất số 293 TĐĐ số 8)	360	1,4
2	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư trường Hiệp Đức) đến giáp ngã tư nhà ông Cảnh (hết thửa đất số 385 TĐĐ số 7)	510	1,4
3	- Từ ngã tư nhà ông Cảnh đến giáp ngã ba nhà ông Hiệp (hết thửa đất 105 TĐĐ số 7)	413	1,4
4	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba nhà ông Chúng) đến giáp nhà bà Hồng (hết thửa đất số 309 TĐĐ số 14)	238	1,4
5	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà bà Hương) đến giáp ngã 3 nhà ông Phúc	210	1,4
6	- Từ đường 412 đến giáp ngã ba đến hết đất nhà ông Viện	210	1,4
7	- Từ giáp huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò Than) đến giáp ngã tư Ông Thành	558	1,4
8	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba ông Đới) đến ngã 3 nhà bà Ma Dương (hết thửa đất số 165 TĐĐ số 15)	210	1,4
9	- Từ huyện lộ 412 đến hết đất bà Bình (hết thửa đất số 36 TĐĐ số 6)	210	1,4
#	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Ka Đô mới 2) đến giáp dốc vào đất bà Bình (hết thửa đất số 45 TĐĐ số 6)	227	1,4
#	- Từ huyện lộ 412 đến giáp ngã ba nhà bà Ma Khô (hết thửa đất số 736 TĐĐ số 15)	210	1,4
#	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Taly I) đến giáp huyện lộ 412 (nhà bà Lan)	210	1,4
#	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò than) đến giáp ngã ba thôn Taly 2	210	1,4
I.4.6	Các tuyến đường nông thôn còn lại		
1	- Từ ngã ba nhà ông Công đến giáp ngã ba nhà bà Khuyến (hết thửa đất số 287 TĐĐ số 8)	210	1,4
2	- Từ nhà ông Vinh đến nhà bà Liên Đài	622	1,4
3	- Từ ngã ba đất nhà ông Dư Cao đến giáp đất nhà ông Mười Dững	266	1,4

4	- Từ nhà ông Dũng Phở đến ngã ba giáp đất ông Điều	290	1,4
5	- Từ ngã ba nhà ông Tài đến giáp ngã ba ông Gọn (hết thửa đất số 324 TĐĐ số 18)	266	1,4
6	- Từ ngã ba nhà bà Bảy Chiêu đến hết đất ông Trí (hết thửa đất số 417 TĐĐ 13)	290	1,4
7	- Từ ngã ba nhà ông Tâm Nhiên đến hết đất ông Trung (hết thửa đất số 386 TĐĐ số 19)	264	1,4
8	- Từ công trào văn hóa thôn Ta Ly 2 đến cuối thôn Ta Ly 2 (hết thửa đất số 502 TĐĐ số 15)	210	1,4
9	- Từ ngã ba dốc lò than đến giáp ngã ba nhà ông Dũng phở (hết thửa đất số 162 TĐĐ số 23)	210	1,4
10	- Từ hết thửa đất 182 TĐĐ số 12 đến giáp ngã ba đường mới cụm công nghiệp	297	1,4
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng >3m.	200	1,4
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	138	1,3
IV	Khu vực thôn Ya Hoa thuộc xã Ka Đô	46	1,1
I.5	XÃ QUẢNG LẬP		
I.5.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
1	- Từ giáp ranh giới hành chính xã Ka Đô đến giáp ranh giới đất ông Chiến (thửa 211 tờ ĐĐ số 3)	625	1,5
2	- Từ giáp ranh đất nhà ông Chiến (Thửa 211 tờ ĐĐ số 3) đến giáp ngã tư chợ cũ	845	1,8
3	- Từ giáp ngã 4 chợ cũ đến giáp ngã 3 hết đất Trại xá xã Quảng Lập	1.364	2,0
4	- Từ hết đất Trại xá xã Quảng Lập đến giáp ngã ba đường số 13 (hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường	832	2,0
5	- Từ giáp ngã ba đường số 13 (hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường đến giáp ngã ba rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng)	490	1,4
6	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến giáp ngã ba ranh giới 3 xã (Quảng Lập, Prô, KaĐơn)	514	1,4
7	- Từ giáp ngã ba ranh giới 3 xã (Q.lập, Prô, KaĐơn) đến giáp đối diện ngã ba đường vào trường Krănggo	514	1,4

8	- Từ giáp đôi diện ngã ba đường vào trường Krônggô đến hết đất nhà ông Ngô Viết Nguyên (hết thửa 62 tờ BĐ số 19)	469	1,4
I.5.2	Đất có mặt tiếp giáp đường ĐH 11		
7	- Từ ngã 4 chợ cũ đến đầu ngã 3 Bà Ký	713	1,4
8	- Từ đầu ngã 3 Bà Ký đến hết đất ông Ngô Viết Nguyên (hết thửa 62 tờ BĐ 19)	540	1,4
I.5.3	Đất có mặt tiếp giáp đường ĐH 15		
1	- Từ ngã ba Trạm xá xã Quảng Lập đến hết đất chùa Giác Ngộ	782	1,4
2	- Từ hết ranh đất chùa Giác Ngộ đến Ngã ba đường số 8 (Nhà đất ông Hà Dũng)	616	1,4
3	- Từ ngã ba đường số 8 (Nhà đất ông Hà Dũng) đến cổng ông Oanh	561	1,4
4	- Từ cổng ông Oanh đến cầu Quảng Lập	673	1,4
I.5.4	Các tuyến đường nối với đường 413		
1	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã 3 dốc đập) đến giáp huyện lộ 413 (ngã 3 bà Ký)	242	1,4
2	- Đường số 1:		
	+ Từ giáp huyện lộ 413 (ngã tư chợ cũ) đến giáp huyện lộ 413b (ngã 4 trạm xá xã)	730	1,4
	+ Từ huyện lộ 413b (ngã 4 Trạm xá xã) đến giáp ngã 3(hết ranh đất thửa số 115 tờ BĐ số 9)	450	1,4
3	- Đất có mặt tiền tiếp giáp chợ mới xã Quảng Lập (Phía đông, phía tây và nam)	968	1,8
4	- Từ giáp Huyện lộ 413 (ngã ba cửa hàng xăng dầu Quảng lập) đến giáp đường số 13	242	1,4
5	- Các đường nằm trong khu quy hoạch trung tâm xã tiếp giáp giữa huyện lộ 413 và đường số 1	585	1,4
6	- Đường số 2: Từ giáp ngã 3 đường số 13 đến hết ranh đất thửa 65 tờ BĐ số 10	358	1,4
7	- Đường số 3: Từ giáp ngã 3 đường số 13 đến hết ranh đất thửa 32 tờ BĐ số 10	359	1,4
8	- Đường số 4:		
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến giáp ngã 4 đường số 11 (hết ranh đất thửa 6 tờ BĐ số 10)	350	1,4
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến giáp ngã 3 đường số 13 (hết ranh đất thửa 1 tờ BĐ số 9)	350	1,4
9	- Đường số 5:		
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến hết ranh đất thửa 474 tờ BĐ số 4	350	1,4

	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến giáp ngã 3 đường số 13 (hết ranh đất thửa 8 tờ BĐ số 5)	350	1,4
10	- Đường số 6: Từ giáp huyện lộ số 413b đến giáp ngã 3 đường số 13	310	1,4
11	- Đường số 7: Từ giáp huyện lộ số 413b đến giáp ngã 3 đường số 13	350	1,4
12	- Đường số 8 và đường số 9: Từ giáp huyện lộ 413b (ngã ba nhà ông Hà Dũng) đến giáp huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Huỳnh Tấn Cường)	350	1,4
13	- Đường số 11: Từ giáp ngã tư đường số 1 đến giáp ngã 4 đường số 4 (hết thửa số 6 tờ BĐ số 10)	360	1,4
14	- Đường số 13: (từ giáp đường số 1 đến giáp đường số 7)	310	1,4
15	-Từ giáp huyện lộ 413b đến giáp ranh giới hành chính xã Ka Đô (Đường cụm Công nghiệp Ka Đô)	650	1,4
16	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã 3 (ranh giới hành chính xã Quảng Lập) đến giáp ngã ba (ranh giới hành chính 3 xã Ka Đô, PRó và Quảng Lập)	220	1,4
16	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã 3 (Cây xăng Thanh Sơn,thửa 585 tờ BĐsố 17) đến giáp huyện lộ 413 (ngã ba đất ông Ngô Viết Nguyên thửa 62 tờ BĐsố 19)	220	1,4
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng >3m.	200	1,4
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	140	1,3
L6	XÃ P'RO		
L6.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
1	- Từ ngã 3 ranh giới hành chính xã Quảng Lập đến giáp ngã ba (Giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Hưng)	514	1,4
2	- Từ giáp ngã ba (Giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Hưng) đến giáp ngã ba nhà ông Phạm Tấn Cửa (Thửa đất số 212, TĐĐ 314A)	514	1,4
3	- Từ ngã ba nhà ông Phạm Tấn Cửa (Thửa đất số 212, TĐĐ 314A) đến giáp ngã ba nhà ông Ya Lin (Thửa đất số 40, TĐĐ 314A)	469	1,4
4	- Từ ngã ba nhà ông Ya Lin (Thửa đất số 40, TĐĐ 314A) đến giáp ngã ba (hết đất Trường PTTH Pró thửa 137 tờ 313b)	514	1,4
	Đất có mặt tiếp giáp đường ĐH 11		

1	- Từ ngã ba ranh giới hành chính 3 xã (PRó, Quảng Lập, KaĐô) đến giáp ngã ba nhà ông Đình Tấn Thảo.	173	1,3
2	- Từ ngã ba nhà ông Đình Tấn Thảo đến giáp ngã ba dốc bà Đào	220	1,3
3	- Từ giáp thửa đất số 28a nay là thửa 263 TBĐ số 314b đến giáp thửa đất số 140 TBĐ số 314b (đường trong khu quy hoạch trung tâm xã)	287	1,3
4	- Từ giáp thửa đất số 140 TBĐ số 314b đến giáp ngã ba (dốc bà Đào)	220	1,3
I.6.3 Đất có mặt tiếp giáp đường ĐH 12			
1	- Từ giáp ngã ba (hết đất Trường PTTH Pró thửa 137 tờ bản đồ 313b) đến giáp ngã ba hành chính xã Ka Đon	514	1,4
I.6.4 Các đường nối với đường 413			
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba ranh giới xã Quảng Lập) đến giáp ngã ba ranh giới ba xã (PRó, QLập, KaĐô)	220	1,3
2	- Từ huyện lộ 413 (Ngã 4 UBND xã) đến hết đất ông Ya Nho	300	1,3
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Cửa) đến giáp ngã ba (hết Trường Tiểu học Pró)	291	1,3
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Ya Lin) đến giáp ngã ba (Phân Hiệu Trường Krăng gọ)	242	1,3
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba Trường cấp 3 Pró) đến giáp ngã ba (hết đất ông Tou Prong Cường)	290	1,3
6	- Từ giáp ngã ba huyện lộ 413 (thửa đất số 31, TBĐ 314A) đến giáp ngã ba hết thửa đất số 66, TBĐ 314A	168	1,3
I.6.5 Khu trung tâm xã			
1	- Các đường trong khu trung tâm có mặt tiếp giáp đường quy hoạch	287	1,4
I.6.6 Các tuyến đường nông thôn			
1	- Từ ngã ba (Số nhà 114 nhà ông Nhịn) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phiếu (đi vòng đập Tám Muống)	173	1,3
2	- Từ giáp hết đất ông Ya Nho đến giáp ngã ba Trường Tiểu Học Pró	173	1,3
3	- Từ ngã ba trường Tiểu Học Pró đến giáp ngã ba phân hiệu trường Krăng gọ	173	1,3
4	- Từ phân hiệu trường Krăng gọ đến giáp ngã ba nhà ông TouProng Cường	173	1,3

5	- Từ giáp ngã ba nhà ông Tou Prong Cường đến giáp ngã ba ranh giới 2 xã (Pró - Ka Đơn)	173	1,3
6	- Từ dốc bà đào đến hết ngã ba đôi Cù	168	1,3
7	- Từ giáp ngã 3 nhà ông Đinh Tấn Thảo - giáp ngã 3 trạm (nhà ông Mông Văn Minh)	173	1,3
8	- Từ giáp ngã ba nhà ông Quảng đến giáp ngã ba nhà ông Huỳnh	220	1,3
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	166	1,3
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	89	1,2
IV	Khu vực thôn Ú Tờ Lâm thuộc xã Pró	46	1,1
I.7	XÃ KA ĐƠN		
I.7.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
1	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến ngã ba ranh giới 3 xã Q.lập, Pró, KaĐon (hết thửa 126 tờ 313b đất nhà ông Nguyễn Xin)	514	1,4
I.7.2	Đất có mặt tiếp giáp với đường ĐH 12		
1	- Từ ngã ba ranh giới 3 xã Q.Lập, Pró, KaĐon (hết thửa 126 tờ bản đồ 313b) đến giáp ngã ba hết ranh giới hành chính xã PRÓ (giáp thửa 73 tờ bản đồ 313b)	514	1,4
2	- Từ ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró (giáp thửa 73 tờ bản đồ 313b) đến hết ranh thửa 709 tờ BĐ 313A	445	1,4
3	- Từ hết ranh thửa 709 tờ BĐ 313A đến ngã ba đi thôn Hoà lạc	510	1,4
4	- Từ ngã ba đi Hoà Lạc đến đầu cầu Ka Đơn	445	1,4
5	- Từ cầu KaĐon đến hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2)	473	1,4
6	- Từ hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2) đến hết đất Chùa Giác Châu	360	1,3
7	- Từ hết đất chùa giác châu đến đầu ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi châu)	210	1,3
8	- Từ ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu) - giáp ranh giới HC xã Tu Tra	350	1,3
I.7.3	Đất có mặt tiếp giáp đường ĐH 14		
1	- Từ giáp ngã ba ĐH 12 (Cầu Ka Đê) đến giáp ngã tư hết đất Trường Trung học cơ sở Ka đơn (thửa 478 TBD 336b): Thuộc khu quy hoạch trung tâm xã KaĐon	446	1,4

2	- Từ giáp ngã tư hết đất Trường Trung học cơ sở Ka Đơn (hết thửa 478 TBD 336b) đến giáp ngã ba (hết thửa 151 TBD 336c đất nhà bà Vân Điểm): Thôn Sao Mai	220	1,4
3	- Từ giáp ngã ba (hết thửa 151 TBD 336c đất nhà bà Vân Điểm) đến giáp suối thôn Ka Đơn (thửa 358 TBD 335g): Thuộc thôn Ka Đơn	190	1,4
4	- Từ giáp suối thôn Ka Đơn (thửa 358 TBD 335g) đến giáp suối Nse giáp ranh giới hành chính xã Tu Tra: Khu vực thuộc các TBD 359a, 359b, và 359d xã Ka Đơn	175	1,4
I.7.4	Các đường nối với đường ĐH 12		
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 rẽ đi Ka Đơn đất ông Quảng) đến giáp ngã 3 đường huyện ĐH 12 (nhà ông Hào)	187	1,3
2	- Từ đường huyện ĐH 12 (ngã 3 đối diện Trường Mầm non) đến ngã ba (hết thửa 383 tờ BD 313a)	225	1,3
3	- Từ đường huyện ĐH 12 (ngã 3 Trường Mầm non) đến hết thửa 118 tờ BD 289e	206	1,3
4	- Từ đường huyện ĐH 12 (ngã 3 nhà bà Cúc) đến ngã ba (giáp thửa 405 tờ BD 313a)	331	1,3
5	- Từ đường huyện ĐH 12 (ngã 3 nhà ông Thành) đến ngã ba (hết thửa 245 tờ BD 289e)	206	1,3
6	- Từ đường huyện ĐH 12 (ngã 3 nhà ông Khi) đến giáp ngã 3 (hết thửa 521 tờ BD 336b)	206	1,3
7	- Từ đường huyện ĐH 12 (ngã 3 đi Hoà Lạc) đến giáp ngã ba nhà đất ông Kiều Đình Tuấn	198	1,3
8	- Từ đường huyện ĐH 12 (ngã 3 vào thôn Sao Mai nhà ông Bùi Châu) đến giáp ngã ba đường đi thôn Ka Đơn đường huyện ĐH 14	200	1,3
I.7.5	Khu Trung tâm xã		
1	- Khu trung tâm xã có một mặt tiếp giáp đường qui hoạch	446	1,4
2	- Từ hết thửa đất số 495 tờ bản đồ số 336b (đất bà Thu) đến giáp đường quy hoạch (thửa đất số 450 tờ bản đồ 336b)	200	1,4
3	- Từ đất nhà ông Lê Phúc thửa 186 tờ BD 312d đến hết đất nhà ông Lê Văn Khuyết thửa đất số 11 tờ bản đồ số 312c) Khu vực thôn Hoà Lạc	180	1,3
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	167	1,3
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	89	1,2
I.8	XÃ TU TRA		
I.8.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		

1	-Từ cây xăng Lạc Thạnh đến hết khu qui hoạch trung tâm xã	700	1,4
2	-Từ hết khu QH Trung tâm xã đến ngã 4 đường vào thôn Ma Đanh (nhà ông Sáu)	402	1,4
3	-Từ ngã ba đường vào thôn Ma Đanh (nhà ông Sáu) đến giáp ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	275	1,4
I.8.2	Đất có mặt tiếp giáp với đường ĐH 12		
1	-Từ giáp ranh giới Ka Đon đến đầu cầu ông Quý	350	1,4
2	-Từ cầu ông Quý đến giáp đất nhà thờ Tu Tra	457	1,4
3	-Từ đất nhà thờ Tu Tra đến giáp cây xăng Lạc Thạnh	606	1,4
4	-Từ Cây xăng Lạc Thạnh đến giáp đất trụ sở công ty sữa Đà Lạt	350	1,4
5	-Từ đất trụ sở Công ty sữa Đà Lạt đến giáp cầu Nông trường bò sữa	429	1,4
I.8.3	Đất có mặt tiếp giáp với đường ĐH 13		
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Sao Mai) đến cầu ông Thiều	341	1,4
I.8.4	Đất có mặt tiếp giáp đường ĐH 14		
1	- Từ giáp ngã 3 đường 413 (thửa 15 TBD11) đến giáp ngã 3 (hết thửa 71 TBD11): Khu QH trung tâm xã Tu Tra	437	1,4
2	- Từ giáp ngã ba (hết thửa 71 TBD11) đến giáp ngã ba đi Thôn RLom và Thôn Ma Đanh (Nhà đất ông Thanh)	193	1,4
3	-Từ giáp ngã ba đi Thôn RLom và Thôn Ma Đanh (Nhà đất ông Thanh) đến giáp ngã ba hết thửa đất số 65 TBD số 37 (đất nhà ông Ya Minh thôn Ka Lót)	181	1,4
4	-Từ giáp ngã ba hết thửa đất số 65 TBD số 37 (đất nhà ông Ya Minh thôn Ka Lót) đến giáp suối Nse (Ranh giới hành chính xã Tu Tra thửa 47 tờ BD 37)	175	1,4
I.8.5	Đất có mặt tiếp giáp đường ĐH 16		
1	-Từ đường huyện ĐH16 (ngã ba cầu Nông trường bò sữa) đến ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	200	1,4
2	-Từ ngã tư Trường Tiểu học Kămbute - giáp ngã ba đường vào C.ty Thăng Đạt	181	1,4
I.8.6	Khu Trung tâm xã		
1	- Các đường QH trong khu Trung tâm xã	418	1,4
I.8.7	Các đường nối với huyện lộ 413		
1	-Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Sáu) đến hết thửa đất số 83 TBD 41 (đất nhà bà Ma Ten thôn Ma Đanh)	181	1,4
2	-Từ giáp huyện lộ 413 đến đến giáp ngã ba trụ sở 2 công ty sữa Đà Lạt	276	1,4
I.8.8	Các đường nối với đường ĐH 12		
1	-Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã 3 cầu ông Quý) đến giáp ngã ba cầu bà Trí (Thôn STC 2)	216	1,4

2	- Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã ba bà Khánh) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Nguyễn Thạch)	198	1,4
3	- Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã 4 thôn Lạc Trường) đến hết nhà đất ông Lê Diên	202	1,4
4	- Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã 4 Lạc trường) đến giáp ngã ba ông Niệm	187	1,4
5	- Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã ba tập đoàn 1 Thôn Suối Thông C) đến ngã ba cầu bà Trí	217	1,4
6	- Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã ba cầu Nông Trường) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phụng	237	1,4
7	- Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã ba công ty APOLLO) đến giáp ngã ba trụ sở 2 công ty sữa Đà Lạt	331	1,4
8	- Từ giáp đường huyện ĐH 12 (ngã ba nhà đất ông Lê Phước Hiệp) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Sáu)	198	1,4
1.8.9	Các đường nối với đường ĐH 13		
1	- Từ ngã ba cầu bà Trí đến giáp ngã ba đường ĐH13 (nhà đất Phạm Hữu Thạnh)	335	1,4
1.8.10	Đường nông thôn		
1	- Từ giáp ngã ba đi R'lor, Ma Đanh (nhà ông Thanh) đến hết thửa đất số 160 TBĐ số 33 (đất nhà bà Ma Will thôn Ma Đanh)	181	1,4
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng >3m.	173	1,3
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	89	1,2

C. Hệ số điều chỉnh giá đất phi nông nghiệp. Theo hệ số Ktt của đất ở cùng vị trí, khu vực.

D. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản

1. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm

Đơn vị tính: đồng/m².

STT	Khu vực	Vị trí 1		Vị trí 2		Vị trí 3	
		Giá đất 2014	Hệ số điều chỉnh giá đất (Ktt)	Giá đất 2014	Hệ số điều chỉnh giá đất (Ktt)	Giá đất 2014	Hệ số điều chỉnh giá đất (Ktt)
1	Khu vực I	50.000	3,0	40.000	2,5	25.000	2,2
2	Khu vực II	40.000	3,0	32.000	2,5	20.000	2,2
3	Khu vực III	25.000	3,0	20.000	2,5	12.000	2,2

2. Hệ số điều chỉnh giá đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí 1		Vị trí 2		Vị trí 3	
		Giá đất 2014	Hệ số điều chỉnh giá đất (Ktt)	Giá đất 2014	Hệ số điều chỉnh giá đất (Ktt)	Giá đất 2014	Hệ số điều chỉnh giá đất (Ktt)
1	Khu vực I	40.000	2,5	32.000	2,2	20.000	2,0
2	Khu vực II	32.000	2,5	25.000	2,2	16.000	2,0
3	Khu vực III	20.000	2,5	16.000	2,2	10.000	2,0

E. Hệ số điều chỉnh đất rừng. Hệ số Ktt = 1,1 lần.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiến